

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 57/2022/DSPT

Ngày: 03/8/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bảo Vĩnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLPT - DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DSST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm **số: 34/QĐPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1963

Địa chỉ: Xóm QC, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xóm ĐH, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị V1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Xóm QC, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông bà và anh T có mối quan hệ quen biết nhau nên đến ngày 14/7/2016 anh T có đến nhà ông bà hỏi vay tiền để làm ăn, ông bà nhất trí và có cho anh T vay số tiền 140.000.000 đồng. Khi vay tiền có làm hợp đồng vay tiền, thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 30/10/2016, lãi suất thỏa thuận miệng giữa hai bên là 2%/tháng. Trong hợp đồng vay tiền này, phần

nội dung là do bà (Dương Thị V1) viết, phần người giao tiền ông V ký tên còn phần người nhận tiền vay anh T có ký nhận, vợ chồng ông bà đã giao đủ tiền cho anh T. Từ khi đến hạn thanh toán đến nay ông bà đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả tiền cho ông bà theo thỏa thuận. Từ khi vay đến nay anh T thỉnh thoảng trả lãi, có lần được 1.500.000 đồng, có lần được 3.000.000 đồng, anh T mới trả được cho tổng số tiền lãi là 6.500.000 đồng, chưa trả được tiền nợ gốc. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả ông bà số tiền còn nợ gốc là 140.000.000 đồng và lãi suất theo quy định là 1%/tháng kể từ ngày 14/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Tạ Văn T trình bày: Vợ chồng ông V trình bày là không đúng. Thực tế anh có vay của vợ chồng ông V số tiền làm hai lần, một lần anh vay của ông bà V V1 số tiền 8.000.000 đồng vào năm 2012 và một lần vay số tiền 12.000.000 đồng vào năm 2013, tổng số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, những lần trả tiền lãi anh đưa cho ông bà V V1 cũng không làm giấy tờ gì. Từ năm 2013 đến năm 2014 anh đã trả đủ lãi cho vợ chồng ông bà V V1 theo lãi suất thỏa thuận đối với số tiền 20.000.000 đồng. Còn từ năm 2015 đến năm 2020 thì anh đã trả lãi cho ông bà V V1 mỗi năm 4.000.000 đồng, chưa trả được tiền gốc cho ông bà. Còn hợp đồng vay tiền vào ngày 14/7/2016 đúng là do anh ký nhận, chữ ký đó đúng là chữ ký của anh, lý do anh ký nhận vay số tiền 140.000.000 đồng là vì bà V1 có nói anh cứ ký vào hợp đồng đó để bà V1 báo cho tổ công tác kiểm tra, anh chủ quan, tin tưởng bà V1 nên ký nhận vay tiền, còn thực tế anh không được nhận số tiền vay 140.000.000 đồng. Quan điểm của anh là mong muốn thỏa thuận với ông bà V V1 anh xác định có vay có trả, vì tình nghĩa của ông bà, nên cụ thể là vào ngày 10 tháng 12 năm 2022 anh sẽ trả số tiền 25.000.000 đồng, đến tháng 3 năm 2023 anh sẽ trả 25.000.000 đồng cho ông bà V V1. Còn nếu ông bà không nhất trí thì anh chỉ xác định trả ông bà số tiền 20.000.000 đồng. Còn về tiền lãi anh không có khả năng trả nữa.

Với nội dung nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DSST ngày 06/5/2022, Tòa án nhân dân huyện PB đã xét xử và quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V.

- Buộc anh Tạ Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn V và bà Dương Thị V1 số tiền gốc là: 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 66.720.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền anh Tạ Văn T phải thanh toán trả cho ông Phạm Văn V và bà Dương Thị V1 là 206.720.000 đồng (*Hai trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:.

- Anh Tạ Văn T phải chịu 10.336.000 đồng (*Mười triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

- Ông Phạm Văn V được hoàn lại số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002652 ngày 08/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án còn tuyên về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/5/2022, anh Tạ Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án khách quan, công tâm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày, tranh luận của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Xét đơn kháng cáo của anh Tạ Văn T:

[1.1] Ngày 14/7/2016 giữa ông Phạm Văn V và anh Tạ Văn T có lập Hợp đồng vay tài sản. Nội dung hợp đồng thể hiện: “*Tôi Tạ Văn T, có vợ Nguyễn Thị Hằng, có vay của ông Phạm Văn V địa chỉ QC, NM, PB, Thái Nguyên số tiền là 140.000.000*

đồng, lãi suất....từ ngày 14/7/2016 đến ngày 30/10/2016...”. Trong hợp đồng này chỉ có chữ ký của anh T, ông V, không có chữ ký của chị Hằng, bà V1.

[1.2] Theo ông V thì khi làm hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2016 có thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 30/10/2016, lãi suất thỏa thuận miệng giữa hai bên là 1,5%/tháng, anh Vân đã trả lãi cho anh nhưng không đủ như thỏa thuận, thời hạn trả lãi cuối cùng là năm 2020 nhưng không có sổ sách giấy tờ gì. Còn theo anh T, hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2016 là không có thật nhưng chữ ký trong hợp đồng đúng là của anh, thực tế anh có vay của ông V 2 lần tiền vào năm 2012 và 2013 với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, anh đã trả lãi cho ông V đến hết năm 2014, còn từ năm 2015 đến năm 2018 thì mỗi năm anh trả khoảng 4.000.000 đồng đến 6.500.000 đồng, nay anh chỉ nhất trí trả số tiền gốc là 50 triệu, được chia ra trả làm hai lần vào ngày 10 tháng 12 năm 2022 trả 25.000.000 đồng và đến tháng 3 năm 2023 anh sẽ trả nốt 25.000.000 đồng, nếu ông V không nhất trí thì anh chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

[1.3] Như vậy hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2016 giữa ông Phạm Văn V và anh Tạ Văn T là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn trả gốc và lãi, tuy mức lãi suất không được ghi trong hợp đồng nhưng về thời hạn trả lãi được ghi trong hợp đồng có kỳ hạn là từ ngày 14/7/2016 đến ngày 30/10/2016 (theo ông V có thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng và anh T đã trả lãi cho ông, còn anh T không thừa nhận). Từ ngày 31/10/2016 anh T không trả được số tiền gốc và lãi là đã vi phạm nghĩa vụ, ông V có quyền khởi kiện anh T để đảm bảo quyền lợi cho mình, nhưng đến ngày 03/12/2021 ông V mới làm đơn khởi kiện đến Tòa án, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện của ông V đã hết, tuy nhiên do các đương sự trong vụ án không ai yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Tạ Văn T phải trả ông V số tiền gốc 140.000.000 đồng là có căn cứ, đối với số tiền lãi thì theo hướng dẫn tại Nghị quyết 03 ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đã hết thời hiệu yêu cầu, mặt khác đối với hợp đồng ngày 14/7/2016 anh T cũng không thừa nhận được nhận tiền, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về trả lãi cho ông V từ ngày 14/7/2016 đến khi xét xử sơ thẩm là không chính xác.

[2] Từ những phân tích trên thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh Tạ Văn T, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06 ngày 22/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện PB.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu

cầu khởi kiện được chấp nhận của ông V. Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh T phải trả cho ông V số tiền gốc mà không phải trả số tiền lãi là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

V× c, c lĩ trªn,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309; Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; c, c Điều 471, 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 03 ngày 03/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Tạ Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 06/2022/DSST ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V.

- Buộc anh Tạ Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn V và bà Dương Thị V1 số tiền gốc là: 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tạ Văn T phải chịu 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông Phạm Văn V phải chịu 3.336.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, được số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002652 ngày 08/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, ông V được nhận lại 164.000 đồng.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số **0002800 ngày 25/5/2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Tr-êng hîp b¶n ,n ®-íc thi h¶nh theo quy ®¶nh t¹i §iÒu 2 LuËt thi h¶nh ,n d©n sù th× ng-êi ®-íc thi h¶nh ,n d©n sù, ng-êi ph¶i thi h¶nh ,n d©n sù cã quyÒn tho¶ thuËn thi h¶nh ,n, quyÒn y^au cÇu thi h¶nh ,n, tù nguyÖn thi h¶nh ,n hoÆc b¶ c-ìng chÕ thi h¶nh ,n theo quy ®¶nh t¹i c,c §iÒu 6, 7, 9 LuËt thi h¶nh ,n d©n s-; Thêi hiÖu thi h¶nh ,n d©n sù ®-íc thùc hiÖn theo quy ®¶nh t¹i ®iÒu 30 LuËt thi h¶nh ,n d©n sù.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện PB;
- Chi cục THADS huyện PB;
- Văn phòng Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy

